

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Ứng Cường
- Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(anh Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2002, chị Võ Thị H và anh Danh Th quen biết và chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm và hạnh phúc, chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

H yêu cầu được ly hôn với anh Danh Th và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: chị H và anh Th có 02 con chung tên Danh Thị Anh Th, sinh năm 2003 và Danh Đăng H, sinh ngày 11-10-2006. Cháu Danh Thị Anh Th đã thành niên, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Đăng H, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh Th trình bày tại Tòa án: Anh Th thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị H xin ly hôn, anh Th cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Cháu Danh Thị Anh Th đã trưởng thành, anh Th đồng ý giao cháu Danh Đăng H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Danh Th có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 02-7-2024 chị Võ Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Danh Th. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Danh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị H và anh Danh Th chung sống với nhau vào năm 2002 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó, không công nhận chị Võ Thị H và anh Danh Th là vợ chồng là phù hợp pháp luật

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh Th có 02 con chung tên Danh Thị Anh Th, sinh năm 2003 và Danh Đăng H, sinh ngày 11-10-2006. Cháu Danh Thị Anh Th đã thành niên, chị H và anh Th thống nhất thỏa thuận giao cháu Danh Đăng H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với nguyện vọng của cháu H), chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa chị H và anh Th. chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh Th đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị H và anh Danh Th.

2. Về con chung: Cháu Danh Thị Anh Th, sinh năm 2003 nay đã thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Võ Thị H và anh Danh Th về việc giao cháu Danh Đăng H, sinh ngày 11-10-2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Danh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị H và anh Danh Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005443 ngày 02-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị H không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

